

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên; bà Vũ Thị Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngân Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2024 về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Phạm Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2006 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng

sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế và nuôi dạy con cái. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung ngày càng căng thẳng. Đến cuối năm 2022, vợ chồng ly thân. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Chị và anh N có 02 con chung là Phạm Duy C, sinh ngày 30/7/2007 và Phạm Thùy L1, sinh ngày 20/01/2014, các con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị bán vật liệu xây dựng, thu nhập khoảng 15.000.000đ/tháng, chị và các con đang ở nhà của vợ chồng.

Chị và anh N tự giải quyết về tài sản. Vợ chồng không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Phạm Văn N không trình bày lời khai, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi các đương sự cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh N và chị L có xảy ra mâu thuẫn liên quan đến kinh tế nhưng chưa đến mức địa phương phải can thiệp. Việc chị L xin ly hôn anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị L và anh N có 02 con chung như chị L đã trình bày là đúng, các cháu đang ở cùng chị L. Việc giao con đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của vợ chồng, phù hợp quy định của pháp luật, theo nguyện vọng của các cháu và đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Hiện Chị L bán vật liệu xây dựng tại địa phương, anh N lái xe chở vật liệu, thu nhập của vợ chồng địa phương không biết. Về tài sản chung của anh N và chị L do hai người tự giải quyết, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn N.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Duy C, sinh ngày 30/7/2007 và Phạm Thùy L1, sinh ngày 20/01/2014; chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho các con nên không đặt ra giải quyết. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Phạm Văn N không trình bày lời khai, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế và nuôi dạy con cái. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung ngày càng căng thẳng. Đến cuối năm 2022, vợ chồng ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh N ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn N là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là Phạm Duy C, sinh ngày 30/7/2007 và Phạm Thùy L1, sinh ngày 20/01/2014, các con đang ở cùng chị L. Ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không

yêu cầu anh N cấp dưỡng cho các con. Hội đồng xét xử thấy: Chị L có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở, các con đang sinh sống và học tập ổn định, các con có nguyện vọng được ở cùng chị L. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con nên cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Duy C và Phạm Thùy L1 là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho các con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh N chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Duy C, sinh ngày 30/7/2007 và Phạm Thùy L1, sinh ngày 20/01/2014. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng cho các con.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002181 ngày 25/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH; số 40, ngày 30/10/2006);
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái